

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ÔN LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 80/QĐ-UBND

Ôn Lương, ngày 14 tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 xã Ôn Lương huyện Phú Lương

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÔN LƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;  
Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách;  
Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý Ngân sách và các hoạt động Tài chính khác của xã, phường, thị trấn;  
Căn cứ Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 huyện Phú Lương;  
Căn cứ Nghị quyết số: 35/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND xã Ôn Lương Khoá XX Nhiệm kỳ 2021-2026 kì họp thứ ba;  
Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 10/01/2023 của UBND xã Ôn Lương về việc Giao dự toán Chi Ngân sách xã Ôn Lương năm 2023;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quyết định công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 với các nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Quyết định công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 huyện Phú Lương;
- Thời gian niêm yết: 30 ngày bắt đầu từ 08h00' ngày 14/7/2023 đến hết ngày 13/8/2023;

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

**Hình thức công khai:** Niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Ôn Lương trong thời gian 30 ngày; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã;

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng UBND xã; Bộ phận Kế toán – Tài chính xã, các ban ngành có liên quan căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như điều 1;2;
- Lưu VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Ngọc



## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã Ôn Lương Quý II +6 tháng năm 2023

(Kèm theo Quyết định số: 80/QĐ-UBND, ngày 14/07/2023 của UBND xã Ôn Lương)

#### I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã Ôn Lương Quý II +6 tháng năm 2023

Căn cứ Quyết định số: 2968/QĐ- UBND ngày 28 /12/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 huyện Phú Lương; Nghị quyết số: 35/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND xã Ôn Lương Khoá XX Nhiệm kỳ 2021-2026 kì họp thứ ba;

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 10/01/2023 của UBND xã Ôn Lương về việc Giao dự toán Chi Ngân sách xã Ôn Lương năm 2023;

##### 1. Kết quả thực hiện thu Ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2023.

Tổng thu NSNN trên địa bàn: 3.221.960.259đồng/KH: 5.014.000000đồng. Đạt 64,3% ; Tăng 25% so với cùng kỳ.

- Thu Cân đối Ngân sách trên địa bàn: 163.245.112đồng/KH: 350.000.000đồng; Đạt 46,7%.

##### \*. Thu ngân sách xã:

Tổng thu NS xã: 3.186.315.177đồng/KH: 4.982.000.000đồng. Đạt 64%;

- Thu cân đối NS xã: 127.600.030đồng/KH: 350.000.000đồng; Đạt 36,5%;

- Thu điều tiết theo tỉ lệ: 127.600.030đồng/KH: 261.500.000đồng; Đạt 48,8%.

- Thu QL qua NS: 7.902.633đồng;

- Thu bổ sung NS cấp trên: 2.918.630.000đồng/4.632.000.000đồng. Đạt 63%;

##### 2. Thực hiện chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023:

Tổng số chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023: 2.081.178.681/KH 4.925.000.000 đạt 42,26% so với Kế hoạch và giảm 01% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên : 2.081.178.681đ.

- Chi đầu tư XDCB : 0đ.

(Có phụ biểu đính kèm)

#### II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã quý II+6 tháng năm 2023 .

##### 1. Đánh giá công tác thu:

Năm 2023 là năm có nhiều thay đổi về cơ chế chính sách khôi phục nền kinh tế cho giai đoạn phát triển 2021-2025 và sự ảnh hưởng lớn của nền kinh tế thế giới, có nhiều khoản thu miễn hoãn, nhưng kế hoạch giao lại tăng nhiệm vụ thu một số chỉ tiêu, hoạt động quản lý chợ vẫn đang trong giai đoạn chuyển đổi;

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước HĐND xã giao, UBND xã đã lãnh đạo, chỉ đạo các cán bộ công chức chuyên môn và phối hợp với chi cục thuế

tăng cường sự phối hợp để thực hiện thu ngân sách ngay từ đầu năm, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và thu khác nộp vào ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ đối tượng kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế; tiếp tục áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức.

## **2. Đánh giá công tác chi:**

Trong 6 tháng đầu năm các nhiệm vụ chi đã được thực hiện theo sát dự toán được duyệt, các chế độ, chính sách được thực hiện kịp thời, kinh phí phục vụ công tác chuyên môn, và hoạt động thường xuyên được đảm bảo. Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 06 tháng đầu năm được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị sử dụng ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần đảm bảo thực hiện tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Công tác quản lý chi NS được tăng cường, đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, các khoản chi ngân sách được quản lý chặt chẽ trong phạm vi dự toán đã được giao.



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.925.000.000	1.943.727.840	39,47
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	88.000.000	39.882.633	45,32
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	173.000.000	35.215.207	20,36
3	Thu bổ sung	4.632.000.000	1.868.630.000	40,34
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.632.000.000	1.250.000.000	26,99
	- Bổ sung có mục tiêu		618.630.000	
4	Thu chuyển nguồn	32.000.000		
II	TỔNG SỐ CHI	867.684.000	1.103.229.485	127,15
2	Chi thường xuyên	770.684.000	1.103.229.485	143,15
3	Dự phòng	97.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.925.000.000	3.186.315.177	64,70
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	88.000.000	56.420.133	64,11
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	173.000.000	79.082.530	45,71
3	Thu bổ sung	4.632.000.000	2.918.630.000	63,01
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.632.000.000	2.300.000.000	49,65
	- Bổ sung có mục tiêu		618.630.000	
4	Thu chuyển nguồn	32.000.000	132.182.514	413,07
II	TỔNG SỐ CHI	867.684.000	2.081.179.681	239,85
2	Chi thường xuyên	770.684.000	2.081.179.681	270,04
3	Dự phòng	97.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



# ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX		
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
A	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.014.000.000</b>	<b>4.925.000.000</b>	<b>1.962.187.871</b>	<b>1.943.727.840</b>	<b>39,13</b>	<b>39,47</b>		
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>88.000.000</b>	<b>88.000.000</b>	<b>39.882.633</b>	<b>39.882.633</b>	<b>45,32</b>	<b>45,32</b>		
1	Phí, lệ phí	28.000.000	28.000.000	6.980.000	6.980.000	24,93	24,93		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			7.902.633	7.902.633				
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	60.000.000	60.000.000	25.000.000	25.000.000	41,67	41,67		
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>262.000.000</b>	<b>173.000.000</b>	<b>53.675.238</b>	<b>35.215.207</b>	<b>20,49</b>	<b>20,36</b>		
1	Các khoản thu phân chia	42.000.000	28.000.000	5.068.443	2.723.222	12,07	9,73		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000	378.000	378.000	12,60	12,60		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	12.000.000	12.000.000						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	27.000.000	13.000.000	4.690.443	2.345.222	17,37	18,04		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	220.000.000	145.000.000	48.606.795	32.491.985	22,09	22,41		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định								
2.1	Thu tiền sử dụng đất								
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế giá trị gia tăng	70.000.000	70.000.000	19.176.780	18.409.709	27,40	26,30		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	150.000.000	75.000.000	29.338.065	14.082.276	19,56	18,78		
	- Thu nhập từ tiền lương tiền công								
	- Thuế thu nhập cá nhân - từ chuyển nhượng BDS	110.000.000	55.000.000	18.761.772	9.005.654	17,06	16,37		
	- Thuế thu nhập cá nhân - từ SXKD	40.000.000	20.000.000	10.576.293	5.076.622	26,44	25,38		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt			91.950					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	32.000.000	32.000.000				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.632.000.000	4.632.000.000	1.868.630.000	1.868.630.000	40,34	40,34
1	Thu bổ sung cân đối	4.632.000.000	4.632.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	26,99	26,99
2	Thu bổ sung có mục tiêu			618.630.000	618.630.000		





## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)		
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2	
A								
	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.014.000.000</b>	<b>4.925.000.000</b>	<b>3.221.960.259</b>	<b>3.186.315.177</b>	<b>64,26</b>	<b>64,70</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>88.000.000</b>	<b>88.000.000</b>	<b>56.420.133</b>	<b>56.420.133</b>	<b>64,11</b>	<b>64,11</b>	
1	Phí, lệ phí	28.000.000	28.000.000	12.517.500	12.517.500	44,71	44,71	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác							
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Thu phạt, tích thu khác theo quy định							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			7.902.633	7.902.633			
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác	60.000.000	60.000.000	36.000.000	36.000.000	60,00	60,00	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>262.000.000</b>	<b>173.000.000</b>	<b>114.727.612</b>	<b>79.082.530</b>	<b>43,79</b>	<b>45,71</b>	
1	Các khoản thu phân chia	42.000.000	28.000.000	22.185.604	17.631.803	52,82	62,97	
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000	978.000	978.000	32,60	32,60	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	12.000.000	12.000.000	12.100.000	12.100.000	100,83	100,83	
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	27.000.000	13.000.000	9.107.604	4.553.803	33,73	35,03	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	220.000.000	145.000.000	92.542.008	61.450.727	42,06	42,38	
2.1	Thu tiền sử dụng đất							
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước							
2.3	Thuế tài nguyên							
2.4	Thuế giá trị gia tăng	70.000.000	70.000.000	35.848.120	34.414.196	51,21	49,16	
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	150.000.000	75.000.000	56.326.088	27.036.531	37,55	36,05	
	- Thu nhập từ tiền lương tiền công							
	- Thuế thu nhập cá nhân - từ chuyển nhượng BDS	110.000.000	55.000.000	36.430.416	17.486.606	33,12	31,79	
	- Thuế thu nhập cá nhân - từ SXKD	40.000.000	20.000.000	19.895.672	9.549.925	49,74	47,75	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt			367.800				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	32.000.000	32.000.000	132.182.514	132.182.514	413,07	413,07
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.632.000.000	4.632.000.000	2.918.630.000	2.918.630.000	63,01	63,01
1	Thu bổ sung cân đối	4.632.000.000	4.632.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	49,65	49,65
2	Thu bổ sung có mục tiêu			618.630.000	618.630.000		



# ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUỸ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUỸ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ 1	XDCB 2	TX 3	TỔNG SỐ 4	XDCB 5	TX 6	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3
A	<b>TỔNG CHI</b>	4.925.000.000		4.925.000.000	1.103.229.485		1.103.229.485	22,40		22,40
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	604.000.000		604.000.000	231.690.668		231.690.668	38,36		38,36
	Chi dân quân tự vệ				181.884.668		181.884.668			
	Chi trật tự an toàn xã hội				49.806.000		49.806.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000						
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.995.000.000		3.995.000.000	832.154.917		832.154.917	20,83		20,83
	Quản lý Nhà nước				512.775.757		512.775.757			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				137.270.885		137.270.885			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				62.761.590		62.761.590			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				32.590.074		32.590.074			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				13.964.046		13.964.046			
	Hội Nông dân				37.713.926		37.713.926			
	Hội cựu chiến binh				35.078.639		35.078.639			
	Các tổ chức chính trị-xã hội	112.684.000		112.684.000	22.874.900		22.874.900	20,30		20,30
	Hội Đồng y				4.023.000		4.023.000			
	Hội Chữ thập đỏ				6.123.900		6.123.900			
	Hội Người cao tuổi				7.364.000		7.364.000			
	Hội khuyến học				5.364.000		5.364.000			
10	Chi cho công tác xã hội	62.316.000		62.316.000	16.509.000		16.509.000	26,49		26,49
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
12	Dự phòng	97.000.000		97.000.000						

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ 1	XDCB 2	TX 3	TỔNG SỐ 4	XDCB 5	TX 6	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3
A	<b>TỔNG CHI</b>	4.925.000.000		4.925.000.000	2.081.179.681		2.081.179.681	42,26		42,26
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	604.000.000		604.000.000	365.918.738		365.918.738	60,58		60,58
	Chi dân quân tự vệ				255.506.738		255.506.738			
	Chi trật tự an toàn xã hội				110.412.000		110.412.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	6.000.000		6.000.000	19,05		19,05
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000	18.000.000		18.000.000	80,00		80,00
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.995.000.000		3.995.000.000	1.611.752.143		1.611.752.143	40,34		40,34
	Quản lý Nhà nước				936.574.745		936.574.745			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				288.684.036		288.684.036			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				140.304.780		140.304.780			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				65.016.448		65.016.448			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				48.215.784		48.215.784			
	Hội Nông dân				61.129.316		61.129.316			
	Hội cựu chiến binh				71.827.034		71.827.034			
	Các tổ chức chính trị-xã hội	112.684.000		112.684.000	58.767.800		58.767.800	52,15		52,15
	Hội Đồng y				8.046.000		8.046.000			
	Hội Chữ thập đỏ				12.247.800		12.247.800			
	Hội Người cao tuổi				30.428.000		30.428.000			
	Hội Khuyến học				8.046.000		8.046.000			
10	Chi cho công tác xã hội	62.316.000		62.316.000	20.741.000		20.741.000	33,28		33,28
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác				20.741.000		20.741.000			
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
12	Dự phòng	97.000.000		97.000.000						

**BIÊN BẢN**

**Xác nhận niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023  
xã Ôn Lương huyện Phú Lương**

Hôm nay vào hồi 08 h00'', ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại UBND xã Ôn Lương thành gồm có:

1. Ông Phan Thanh Ngọc - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã;
2. Bà Nguyễn Thị Na - Chức vụ: Công Tài chính – Kế toán xã;
3. Bà Nguyễn Thị Yến - Chức vụ: C. chức Văn Phòng – TK xã;
4. Ông Phan Công Vượng - Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ xã ;
5. Bà Phan Thị Oanh - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND xã;

\*. **Nội dung:** Xác nhận kết quả niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 xã Ôn Lương.

- Nội dung niêm yết: Quyết định công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 huyện Phú Lương;

- Thời gian niêm yết: 30 ngày bắt đầu từ 08h00'' ngày 14/7/2023 đến hết ngày 13/8/2023

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Ôn Lương

- Biên bản lập xong hồi 08h 30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua ./.

Người ghi biên bản



Nguyễn Thị Yến



Phó Chủ tịch HĐND xã



Phan Thị Oanh

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Ngọc

Chủ tịch UB MTTQ xã



Phan Công Vượng

Kế toán Ngân sách



Nguyễn Thị Na

Số: 102/BC-UBND

Ôn Lương, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Lương

Căn cứ Quyết định số: 2968/QĐ- UBND ngày 28 /12/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số: 35/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND xã Ôn Lương Khoá XX Nhiệm kỳ 2021-2026 kì họp thứ ba;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 10/01/2023 của UBND xã Ôn Lương về việc Giao dự toán Chi Ngân sách xã Ôn Lương năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Ôn Lương báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán Ngân sách Quý II + 6 tháng đầu năm 2023 xã Ôn Lương huyện Phú Lương theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

**I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:**

1. Số đơn vị chưa công khai ngân sách:
2. Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách:

Chi tiết theo biểu sau

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
<b>I</b>	<b>Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc</b>						
	UBND xã Ôn Lương	x		x		x	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Ngọc